

Bản án số: 104/2017/DS-ST
Ngày: 05-9-2017
V/v: “tranh chấp nợ hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về “tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972.

- Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Đại lộ Đ, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 7 năm 2017). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017, bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:

Bà Lâm Thị T có tham gia hai dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 01/7/2015 âm lịch, một dây gồm 24 phần, mỗi tháng khai 01 lần, bà T tham gia 02 phần đã đóng 18 lần số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 05/4/2016 âm lịch, một dây gồm 22 phần, mỗi tháng khui 01 lần, bà T tham gia 01 phần đã đóng 08 lần số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Tổng cộng, bà T đã đóng cho bà H số tiền hụi là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ngày 28/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H có làm giấy xác nhận nợ bà Lâm Thị T số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Nay bà Lâm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C trả số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Tại biên bản làm việc ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày:

Bà Nguyễn Mỹ H thừa nhận giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016 và còn nợ bà Lâm Thị T số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc C biết bà Nguyễn Mỹ H tổ chức chơi hụi và khui hụi tại nhà chứ ông C hoàn toàn không biết tiền hụi mà bà H làm chủ hụi. Ông C là tài xế lái xe đường dài, thường xuyên đi làm không có ở nhà nên ông C không biết bà H thiếu cụ thể bao nhiêu tiền hụi và tiền vay. Vì là nợ chung của vợ chồng nên ông C đồng ý cùng bà H liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Lâm Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 15, 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T, buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà Lâm Thị T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Lâm Thị T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C. Hiện nay, bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971; cùng cư trú tại: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến

Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Bảo Q là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Bảo Q.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và tại phiên tòa bà Lâm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C trả số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, theo giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016, yêu cầu của bà T là tranh chấp hợp đồng góp hụi được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 28/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H có lập giấy xác nhận nợ số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, việc góp hụi hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng góp hụi giữa bà Lâm Thị T và bà Nguyễn Mỹ H là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C trả số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Bảo Q là người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ theo lời trình bày của bà Lâm Thị T, giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016 có chữ ký và họ tên của bà Nguyễn Mỹ H nên có cơ sở khẳng định bà Lâm Thị T đã tham gia góp hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi với số tiền đã đóng là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng. Do bà H tuyên bố vỡ hụi nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền trên. Việc bà H không thực hiện giao tiền hụi cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi được quy định tại Điều 15 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Căn cứ giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H thừa nhận còn nợ bà Lâm Thị T số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng. Do đó, bà Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng là phù hợp quy định tại Điều 14 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

[5] Xét trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Ngọc C: Theo giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016, bà Nguyễn Mỹ H là người ký nhận nợ, không có ông Nguyễn Ngọc C ký nhận nợ. Tại phiên tòa, bà Lâm Thị T cho rằng giấy xác nhận nợ chỉ có bà H ký tên nhưng ông C biết việc giao dịch góp hụi giữa bà T và bà H; bà H nhận tiền đóng hụi của bà T nhằm mục đích trang trải cuộc sống gia đình và công việc làm ăn của bà H, ông C. Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thể hiện ông C biết việc bà H làm chủ hụi và khai hụi tại nhà nhưng ông C không biết bà H thiếu tiền hụi và tiền vay cụ thể bao nhiêu. Vì là nợ chung của vợ chồng nên ông C đồng ý cùng bà H trả nợ. Mặc khác, bà H và ông C là vợ chồng đang tồn tại hôn nhân hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/4/2002 của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre; việc

giao dịch góp hụi giữa bà T và bà H là trong thời kỳ hôn nhân của bà H, ông C. Việc bà H nhận tiền của bà T nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông C có trách nhiệm liên đới với bà H trả số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T đối với bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C về việc yêu cầu trả số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng.

[7] Về lãi suất: Do các bên đương sự không có thỏa thuận lãi suất và bà Lâm Thị T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Tòa án ghi nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải chịu là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng.

[9] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, Điều 288 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T đối với bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lâm Thị T số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng. Ghi nhận bà Lâm Thị T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải nộp là 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Lâm Thị T là 1.250.000 (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010881 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. B, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. B, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Kim Trường Sơn